TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **THÀNH PHỐ P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 152/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông H Đắc Hân

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, thành phố P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N, thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Q, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn 11, xã X, huyện N, thành phố P; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 11, xã X, huyện N, thành phố P; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2023 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện N, chị Cao Thị Q (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cao Thị Q và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thủy Nguyên, thành phố P theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 70 ngày 01 tháng 12 năm 2005. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn 11, xã X, huyện N, thành phố P. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh Pc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh Nguyễn Văn P không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Chị Cao Thị Q và anh Nguyễn Văn P có hai con chung tên là Nguyễn Tuân H, sinh ngày 12/10/2006 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 26/9/2012. Hiện hai con khỏe mạnh và phát triển bình thường, đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh Nguyễn Văn P tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Cao Thị Q không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không trình bày quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị Q và anh Nguyễn Văn P. Giao hai con chung tên là Nguyễn Tuân H, sinh ngày 12/10/2006 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 26/9/2012 cho chị Cao Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Cao Thị Q và anh Nguyễn Văn P tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh Nguyễn Văn P không có ý kiến gì nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố P. Chị Cao Thị Q vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Cao Thị Q và anh Nguyễn Văn P.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị Q và anh Nguyễn Văn P được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 01 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thủy Nguyên, thành phố P là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Nguyễn Văn P không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh Pc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Cao Thị Q xin ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Anh Nguyễn Văn P không trình bày quan điểm thể hiện chưa thực sự quan tâm đến hôn nhân. Căn cứ vào thực tế của quan hệ hôn nhân và quy định của pháp luật, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị Q với anh Nguyễn Văn P.

[3] Về con chung: Chị Cao Thị Q và anh Nguyễn Văn P có hai con chung tên là Nguyễn Tuân H, sinh ngày 12/10/2006 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 26/9/2012. Khi ly hôn chị Cao Thị Q đề nghị giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn P không trình bày quan điểm của mình. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện chị Cao Thị Q đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con và có đủ điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc con chung,

hai con chung hiện đang khỏe mạnh phát triển bình thường và đều có nguyện vọng ở với mẹ. Căn cứ vào tình hình thực tế và quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con chung tên là Nguyễn Tuân H và Nguyễn Tường V cho chị Cao Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Cao Thị Q trình bày để tự thỏa thuận và anh Nguyễn Văn P không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Cao Thị Q và anh Nguyễn Văn P không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Cao Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị Q và anh Nguyễn Văn P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung tên là Nguyễn Tuân H, sinh ngày 12/10/2006 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 26/9/2012 cho chị Cao Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Cao Thị Q và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Cao Thị Q

đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố P tại Biên lai số 0009837 ngày 25 tháng 3 năm 2024. Chị Cao Thị Q đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị Q, anh Nguyễn Văn P không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP P;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã X, huyện N;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Tuyến **Ngô Minh Tâm** **Lê Trung Hiếu**